

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 12 - 2025

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÀO CAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thu Trang

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên toà: Bà Lý Thị Tươi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Lê Ái Thiên Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T - Sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà 120, đường N, tổ 08, phường L, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Vi T K (Tên gọi khác Vi Xuân K) - Sinh năm 1978

Địa chỉ: Số nhà 120, đường N, tổ 08, phường L, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt (Không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Vi T K đăng ký kết hôn với nhau ngày 23/12/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (Nay là UBND phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai), anh chị tự nguyện kết hôn không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong đời sống hàng ngày và làm ăn kinh tế nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra việc đánh cãi chửi nhau, gia đình luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Sau khi mâu thuẫn xảy ra anh chị đã nhiều lần tự hoà giải, hàn gắn và hai bên gia đình cũng đã khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Mâu thuẫn giữa anh chị đến nay đã ngày càng trở nên trầm trọng,

anh K thường xuyên đe dọa, chửi bới nên chị Đặng Thị T đã dọn ra khỏi nhà. Nay chị Đặng Thị T nhận thấy không còn tình cảm với anh Vi T K, gia đình không có hạnh phúc nên chị Đặng Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Vi T K để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Đặng Thị T và anh Vi T K có 02 con chung là cháu Vi Kim O - Sinh ngày 28/10/2000 và cháu Vi Trọng N - Sinh ngày 16/6/2007. Hiện nay các cháu đều đã trưởng T nên chị Đặng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Đặng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vi T K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi T K và chị Đặng Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2000 tại Ủy ban nhân dân xã xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (Nay là UBND phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 10/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T làm công việc mát xa nhạy cảm và không phù hợp, anh K đã nhiều lần góp ý nhưng chị T không thay đổi. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được mẹ đẻ anh K góp ý nhiều lần nhưng không có kết quả gì. Chị T đã bỏ đi khỏi nhà từ đầu tháng 10/2025 không về. Nay anh K xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn không nghiêm trọng và còn khắc phục được nên anh K có nguyện vọng chị Đặng Thị T rút đơn để gia đình đoàn tụ, cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế. Trường hợp chị T nhất quyết xin ly hôn thì anh Vi T K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án anh Vi T K còn bổ sung lời khai như sau: Anh Vi T K không đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị T vì anh vẫn yêu thương vợ, không làm gì sai trái chỉ là phát hiện vợ có tư tưởng ngoại tình nên anh K mắng chị T hơi nhiều, chị T đã xin lỗi anh K. Chị T đã lấy toàn bộ giấy tờ bỏ nhà đi, tài sản gia đình chị Đặng Thị T cũng mang đi hết không để lại cho bố con anh K một đồng nào để sinh hoạt. Anh K đã tìm nhưng không thấy chị T. Ngày 20/10 chị T liên hoan phụ nữ cùng đội khiêu vũ Phô Mới thì anh K phát hiện và bảo chị T đi về nhà nhưng chị T không về, anh K kiểm tra túi xách của chị T có một chiếc điện thoại và một chùm chìa khoá xe máy điện, anh K mang về kiểm tra xem thì thấy chị T có gọi cho những người có dây dưa tình cảm với chị T mà anh K đã cấm, anh K phát hiện có tin nhắn của người đó và chị T còn quay video thuê được nhà gửi cho anh nào đó xem. Toàn bộ sự việc anh K đã copy vào USB những hình ảnh và tin nhắn nhạy cảm của chị T để Tòa án xem xét. Hiện nay đã hơn nửa tháng nhưng chị T chặn số điện thoại anh K không liên lạc được, cũng không về, anh K rất lo lắng vì chị T là phụ nữ đi thuê nhà nghỉ ở anh K sợ sẽ không đàng hoàng. Anh K đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trả lại công bằng cho anh K, anh K muốn chị T rút đơn ly hôn về sống với bố con anh K, không được ngoại tình.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa anh Vi T K và chị Đặng Thị T có 02 con chung là cháu Vi Kim O - Sinh ngày 28/10/2000 và cháu Vi Trọng N - Sinh ngày 16/6/2007. Hiện nay các cháu đều đã trưởng T nên anh Vi T K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Vi T K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Vi T K. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị T và anh Vi T K chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi T K, con chung của anh chị hiện nay đều đã đủ 18 tuổi, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn”. Bị đơn anh Vi T K có nơi cư trú tại số nhà 120, đường Nguyễn Huệ, tổ 08, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa T niên, Luật phá sản và luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vi T K vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Vi T K đăng ký kết hôn ngày 23/12/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (Nay là UBND phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai), anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Do đó hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, chị Đặng Thị T và anh Vi T K đều xác định trong thời gian chung sống giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Chị Đặng Thị T cho rằng do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong đời sống hàng ngày và làm ăn kinh tế, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra việc đánh cãi chửi nhau, gia đình luôn căng thẳng, không có hạnh phúc, Sau khi mâu thuẫn xảy ra anh chị đã nhiều lần tự hoà giải, hàn gắn và hai bên gia đình cũng đã khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Mâu thuẫn giữa anh chị đến nay đã ngày càng trở nên trầm trọng, anh K thường xuyên đe dọa, chửi bới nên chị Đặng Thị T đã dọn ra khỏi nhà. Anh Vi T K cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T làm công việc mát xa nhạy cảm và không phù hợp, anh K đã nhiều lần góp ý nhưng chị T không thay đổi, chị T có tư tưởng ngoại tình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được mẹ đẻ anh K góp ý nhiều lần nhưng không có kết quả gì.

Quá trình giải quyết vụ án anh Vi T K cho rằng chị Đặng Thị T có tư tưởng ngoại tình và nhắn tin với người đàn ông khác, tuy nhiên anh K không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc chị Đặng Thị T ngoại tình. Các hình ảnh tin nhắn và video anh K cung cấp trong USB đều không có hình ảnh, video nào thể hiện việc chị Đặng Thị T có quan hệ bất chính với người khác. Do đó lời khai của anh Vi T K về việc chị Đặng Thị T ngoại tình là không có căn cứ. Biên bản xác minh ngày 06/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai đã xác định trong thời gian chung sống giữa chị Đặng Thị T và anh Vi T K có xảy ra mâu thuẫn, có lần tổ dân phố và Công an phường đã phải can thiệp, hoà giải cho anh chị nhưng vẫn không cải thiện được.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đặng Thị T và anh Vi T K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị T đối với anh Vi T K.

[2.2] Về con chung: Thời gian chung sống chị Đặng Thị T và anh Vi T K có 02 con chung là cháu Vi Kim O - Sinh ngày 28/10/2000 và cháu Vi Trọng N - Sinh ngày 16/6/2007. Hiện nay con chung của anh chị đều đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai: Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147;

Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa T niên, Luật phá sản và luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Vi T K. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị T và anh Vi T K chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, xác nhận chị Đặng Thị T đã nộp đủ tiền án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001522 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T và anh Vi T K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; VKSND tỉnh;
- VKSND KV 6 - Lào Cai;
- Các đương sự;
- Phòng THADS KV6 - Lào Cai;
- UBND phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thu Trang